

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 157/2021/HS-ST
Ngày: 10 - 11 - 2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Rạt,

2. Bà Trương Thị Kim Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Đỉnh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 148/2021/TLST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2021/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2021/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1994, tại tỉnh An Giang; Nơi cư trú: Khóm Thới Thạnh, phường MTh, thành phố LX, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị Thủy G; Anh, chị, em ruột: Có 01 người em, sinh năm 1996; Chưa có vợ con; Tiền sự: không có; Tiền án: Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 78/2020/HS-ST ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An, xử phạt Nguyễn Ngọc A 06 tháng tù, về tội trộm cắp tài sản, đến ngày 14/02/2021 chấp hành xong án phạt tù, chưa được xóa án tích.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 17 tháng 8 năm 2021 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Long An. (có mặt)

Bị hại: Lý Minh C, sinh năm 1990, địa chỉ: Ấp K17, xã TG, huyện NC, tỉnh C M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Thủy G, sinh năm 1973, địa chỉ: Khóm Th Th, phường MTh, thành phố LX, tỉnh An Giang.

- Nguyễn Văn L, sinh năm 1989, đăng ký hộ khẩu: X 2, xã Ngh H, huyện Ngh L, tỉnh H T, địa chỉ: Ấp M 1, xã M H N, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người làm chứng:

- Nguyễn Văn G, sinh năm 1982,
- Phạm Văn G, sinh năm 1982,
- Thái Ý X, sinh năm 1990.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 8 giờ ngày 25/7/2021, người có tên Nhựt không rõ nhân thân lai lịch gọi điện thoại di động cho Nguyễn Ngọc A, rủ A cùng nhau đi tìm tài sản của người dân để sơ hở trộm cắp bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. A đồng ý nên điều khiển xe mô tô biển số 67B2-633.25 đến cổng khu dân cư Phúc An City thuộc ấp M 2, xã M HN, huyện Đ, tỉnh Long An, chờ Nhựt đi trộm cắp tài sản. Khoảng 15 giờ cùng ngày, cả hai người đi đến khu dân cư Trần Anh thuộc ấp M 2, xã M H N, huyện Đ, tỉnh Long An, nhìn thấy xe mô tô biển số 69M1-094.94 của ông Lý Minh C, đang dựng trước phòng trọ của ông C không có người trông giữ nên thống nhất lấy trộm xe này. Nhựt đứng bên ngoài canh đường, cảnh giới cho A vào lấy trộm xe đẩy ra ngoài. Do không nổ máy được xe mô tô vừa lấy trộm nên A ngồi lên xe mô tô biển số 69M1-094.94 cho Nhựt điều khiển xe mô tô biển số 67B2-633.25 và dùng chân đẩy chạy đến tiệm cầm đồ biển hiệu Đức Tuấn tại ấp M 1, xã M H N, huyện Đ, tỉnh Long An do ông Nguyễn Văn L làm chủ. A hỏi thế chấp xe mô tô biển số 69M1-094.94, ông L đồng ý nhận thế chấp giá 5.000.000 đồng, A nói giá rẻ nên không thể chấp mà xin gửi xe lại tiệm, sẽ đến lấy sau.

Ngày 26/7/2021, A thỏa thuận đưa cho Nhựt số tiền 4.000.000 đồng là số tiền chia từ việc bán xe mô tô biển số 69M1-094.94. A đến tiệm cầm đồ ĐT lấy xe mô tô biển số 69M1-094.94 về nhà trọ gỡ bỏ tem nhãn hiệu, cạy phá hư hỏng ổ khóa mở công tắc xe để nổ máy khởi động xe. Khi A mở yên ngồi của xe lên phát hiện có một cái bóp màu đen, bên trong có số tiền 4.000.000 đồng nên A lấy tiền tiêu xài. A đem tem xe, bóp, giấy tờ cá nhân trong bóp đốt bỏ.

Ngày 12/8/2021, mẹ của A là bà Nguyễn Thị Thủy G đòi A số tiền 4.000.000 đồng A đã mượn, do không có tiền trả nên A kêu bà G đem xe mô tô biển số 69M1-094.94 đi thế chấp lấy tiền. Bà G đem xe mô tô biển số 69M1-094.94 đến tiệm cầm đồ ĐT thế chấp được 5.000.000 đồng.

Ngày 16/8/2021, ông C tìm thấy xe mô tô biển số 69M1-094.94 đang ở tiệm cầm đồ ĐT nên làm đơn tố cáo với Cơ quan Công an. Ngày 17/8/2021, A biết hành vi trộm cắp tài sản đã bị phát hiện nên đến Cơ quan Công an đầu thú khai nhận hành vi phạm tội.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 94/KL.ĐGTS ngày 20/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ kết luận xe mô tô biển số 69M1-094.94 trị giá thành tiền là 31.493.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản Nguyễn Ngọc A chiếm đoạt của anh Lý Minh C là 35.493.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 157/CT-VKSĐH ngày 13 tháng 9 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An truy tố bị cáo A về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên toà, Kiểm sát viên sau khi phân tích tính chất và mức độ nguy hiểm xã hội của hành vi vi phạm pháp luật mà bị cáo gây ra; đồng thời căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục phạm tội, đây là tình tiết tăng nặng thuộc trường hợp tái phạm; Về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo đầu thú hành vi phạm tội và thành khẩn khai báo nên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm h, Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); tuyên bố bị cáo A phạm tội “Trộm cắp tài sản”; xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù.

Đối với người thanh niên tên Nhựt (không rõ nhân thân, lai lịch) cùng với bị cáo A thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhưng không xác định được nên Cơ quan điều tra có Quyết định tách vụ án.

Đồng thời đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Về tang vật chứng: Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Đ đã trả lại cho ông Lý Minh C 01 (một) xe mô tô biển số 69M1-094.94, theo biên bản ngày 21/8/2021 là phù hợp nên đề nghị không đề cập xem xét.

Xe mô tô biển số 67B2-663.25, nhãn hiệu honda, loại Vario 150, màu đỏ đen, số máy KF41E2049589, số khung MH1KF4127LK045471, bị cáo là chủ sở hữu. Bị cáo dùng xe này để phạm tội. Tuy nhiên, bị cáo đã bán cho người khác. Cơ quan điều tra không thu giữ được xe nên đề nghị Hội đồng xét xử tách ra xử lý sau.

- Về trách nhiệm dân sự:

Ông Lý Minh C đã nhận lại xe mô tô biển số 69M1-094.94 bị mất trộm không có yêu cầu gì, riêng số tiền 4.000.000 đồng bỏ trong cốp xe, ông C yêu cầu Nguyễn Ngọc A trả lại cho ông C, nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo trả cho ông C 4.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn L không yêu cầu bà Nguyễn Thị Thủy G trả lại số tiền 5.000.000 đồng mà ông L bỏ ra nhận thế chấp xe mô tô biển số 69M1-094.94 nên đề nghị không đề cập xem xét.

Bà Nguyễn Thị Thủy G không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 4.000.000 đồng mà bị cáo mượn để chia cho Nhựt nên đề nghị không đề cập xem xét.

- Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị buộc bị cáo nộp án phí theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo A hoàn toàn nhìn nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố, không đưa ra chứng cứ nào minh oan chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại ông C trình bày tại Cơ quan điều tra: Ông là chủ sở hữu hợp pháp xe mô tô biển số 69M1-094.94, bị Nguyễn Ngọc A lén lút chiếm đoạt. Nay, ông đã nhận lại xe nên không có yêu cầu gì trong vụ án, chỉ yêu cầu bị cáo trả 4.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Thị Thủy G nêu: Ngày 25/7/2021, bà có đưa cho A 4.000.000 đồng để mua xe. Sau đó, bà đem xe đi cầm 5.000.000 đồng. Đến ngày 17/8/2021, Công an xã MH N mời làm việc, bà mới biết xe do A trộm. Nay, bà không yêu cầu A trả lại 4.000.000 đồng vì bị cáo là con ruột của bà.

Ông Nguyễn Văn L nêu: Ngày 12/8/2021, ông có cầm xe do bà G mang đến với giá 5.000.000 đồng. Nay, ông không yêu cầu bà G trả lại 5.000.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng nhưng những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292; Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo trước Tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng với bản kết luận về định giá tài sản số 94/KL.ĐGTS ngày 20/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện Đ và phù hợp với nội dung bản cáo trạng. Thấy rằng, bị cáo do muốn kiếm tiền tiêu xài cá nhân nên ngày 25/7/2021, bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô biển số 69M1-094.94, trị giá thành tiền là: 31.493.000 đồng, và 4.000.000 đồng trong cốp xe, tổng cộng

là 35.493.000 đồng, hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp tài sản của ông C nên cần xử lý bằng pháp luật hình sự.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo A phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An truy tố bị cáo với tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Hành vi trộm cắp tài sản mà bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, hành vi này đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, quyền này được pháp luật hình sự bảo vệ, nếu người nào cố tình xâm hại thì sẽ bị pháp luật trừng phạt, hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm hại trực tiếp đến tài sản thuộc sở hữu của bị hại, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương. Khi thực hiện hành vi, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của bị cáo gây ra là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện, hành vi trái pháp luật của bị cáo cần xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự, do đó cần áp dụng mức hình phạt tương xứng và cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4]. Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục phạm tội, đây là tình tiết tăng nặng thuộc trường hợp tái phạm; Về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo đầu thú hành vi phạm tội và thành khẩn khai báo nên khi áp dụng hình phạt cho bị cáo cần xem xét đánh giá.

Từ phân tích [3] và [4], xét theo lời đề nghị của Kiểm sát viên về áp dụng hình phạt tù có thời hạn và mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Người thanh niên tên Nhựt (không rõ nhân thân, lai lịch) cùng với bị cáo A thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhưng không xác định được. Cơ quan Điều tra có Quyết định tách vụ án là phù hợp.

[5]. Về tang vật chứng: Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Đ đã trả lại cho ông Lý Minh C 01 (một) xe mô tô biển số 69M1-094.94, theo biên bản ngày 21/8/2021 là phù hợp.

Xe mô tô biển số 67B2-663.25, nhãn hiệu honda, loại Vario 150, màu đỏ đen, số máy KF41E2049589, số khung MH1KF4127LK045471, bị cáo đứng tên chủ sở hữu. Bị cáo dùng xe này để phạm tội nên tịch thu sung ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, xe này đã bán cho người khác. Cơ quan Điều tra không thu giữ được nên xử lý sau.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

Ông Lý Minh C đã nhận lại xe mô tô biển số 69M1-094.94 bị mất trộm không có yêu cầu gì, riêng số tiền 4.000.000 đồng bỏ trong cốp xe, ông C yêu cầu bị cáo A trả lại nên buộc bị cáo trả cho ông C 4.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn L không yêu cầu bà Nguyễn Thị Thủy G trả lại số tiền 5.000.000 đồng mà ông L bỏ ra nhận thế chấp xe mô tô biển số 69M1-094.94 nên không đề cập xem xét.

Bà Nguyễn Thị Thủy G không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 4.000.000 đồng mà bị cáo mượn để chia cho Nhựt nên không đề cập xem xét.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí dân sự và hình sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm h, Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc A 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/8/2021.

Áp dụng Khoản 1 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 10/11/2021) để đảm bảo cho việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo A bồi thường cho ông Lý Minh C số tiền 4.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Án này là sơ thẩm, bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt

được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Hồng Sơn

